# *Bài 6* Tổ chức cộng đồng (CBO) và quản lý tài nguyên nước ở địa phương

SIMON BENEDIKTER, GABI WAIBEL, NGUYỄN DUY CẦN

Nước là nguồn tài nguyên có vai trò chính yếu đối với sinh kế của người dân địa phương và sự phát triển của Tp. Cần Thơ. Số lượng tổ chức cộng đồng (CBO) được thành lập ở thành phố này vào những năm giữa thập niên 1980 và những năm gần đây đã tăng lên đáng kể. Nhằm tìm hiểu sâu sắc hơn vai trò của các tổ chức này đối với lĩnh vực quản lý tài nguyên nước ở địa phương, một cuộc khảo sát điều tra trong khuôn khổ dự án này đã được thực hiện.

Sự xuất hiện của những tổ chức cộng đồng có liên quan với một loạt các chính sách đổi mới, chẳng hạn như chính sách khuyến khích tự do kinh tế và cải cách hành chính bắt đầu từ năm 1986, cũng như sự cải cách sâu rộng khung pháp lý về việc quản lý tài nguyên nước. Sau khi Luật Tài nguyên nước ra đời lần đầu tiên vào năm 1998, chức năng quản lý tài nguyên nước đã được phân chia nhằm tách biệt việc quản lý tài nguyên nước với các dịch vụ có liên quan với nước (ví dụ: tưới tiêu, cung cấp nước sạch, thoát nước thải, vv). Trong bối cảnh này, một Bộ mới đã được thành lập để đảm nhiệm việc thi hành Luật Tài nguyên nước này.

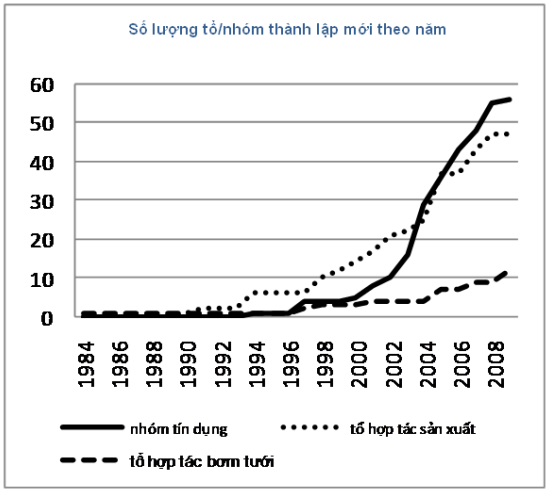


Nguồn: Cuộc điều tra do các tác giả thực hiện ở thành phố Cần Thơ (năm 2009/2010)

Dựa trên nguyên tắc *Quản lý Tổng hợp Tài nguyên nước* (IWRM), chính sách mới về tài nguyên nước (được ban hành vào năm 2006) đã cung cấp một số các quy định và hình thức chế tài điều chỉnh công tác kiểm tra và bảo vệ nguồn tài nguyên nước.

Mặc dù việc quản lý tài nguyên nước được quy định như là một chức năng của Nhà nước, thế nhưng, trên thực tế lại có nhiều đối tượng sử dụng nước cũng tham gia khá nhiều vào các hoạt động có liên quan, như là tưới tiêu, nạo vét kênh mương cũng như nâng cấp cơ sở hạ tầng cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường cấp hộ gia đình. Tuy nhiên, cho đến nay, những hoạt động này được tổ chức như thế nào cũng như mối quan hệ giữa những nhóm/ tổ sử dụng nước của cộng đồng và các chính quyền địa phương lại rất ít được biết đến.

Để nhận thức sâu sắc hơn về các vấn đề trên, một cuộc khảo sát điều tra đã được thực hiện ở quận/ huyện của Tp. Cần Thơ. Cụ thể hơn, cuộc điều tra này có mục đích tìm hiểu quá trình hình thành và hoạt động của các tổ/ nhóm có liên quan đến cách thức quản lý tài nguyên nước trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp cũng như các lĩnh vực khác.

Phạm vi của cuộc điều tra có tổng cộng 120 nhóm/tổ, bao gồm 47 tổ hợp tác sản xuất, 12 tổ hợp tác bơm tưới, 56 nhóm tín dụng-tiết kiệm, 1 câu lạc bộ và 4 nhóm tham gia cả hai hình thức hợp tác sản xuất và tín dụng-tiết kiệm. Tất cả những tổ/ nhóm này đều hoạt động trên địa bàn xã/ phường, và thường xuyên hoạt động ở quy mô nhỏ hơn (cấp thôn ấp).

Phần lớn các CBO được thành lập mới. Ngoài ra, có 35 trên tổng số 120 nhóm được thành lập từ các tập đoàn sản xuất và hợp tác xã (theo mô hình cũ của thời kỳ kinh tế bao cấp). Theo số liệu biểu đồ này, các

**Nhân tố động lực thúc đẩy sự hình thành tổ chức cộng**

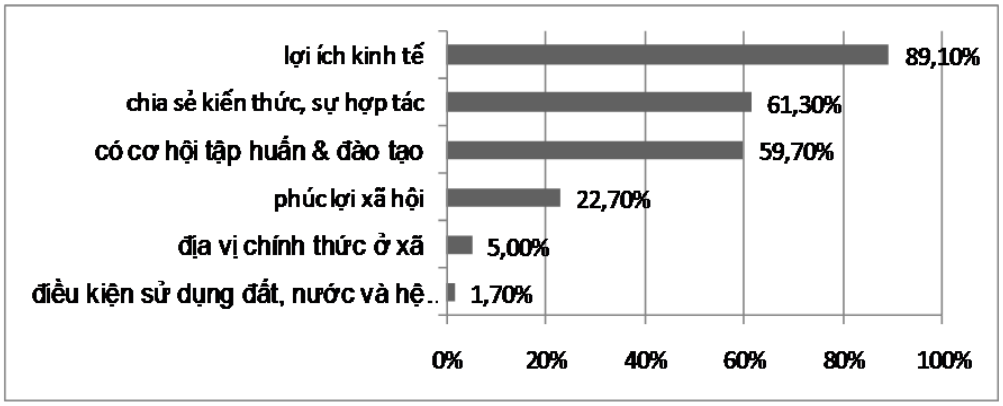


Nguồn: Cuộc điều tra do các tác giả thực hiện ở thành phố Cần Thơ (năm 2009/2010)

động lực chủ yếu đẩy mạnh sự hình thành các tổ/nhóm là sự mong đợi của thành viên tổ/nhóm nhận được lợi ích kinh tế (sản xuất), tiết kiệm thời gian và có cơ hội tham gia tập huấn, cũng như trao đổi kinh nghiệm.

Về mặt quản lý tài nguyên nước, một số tổ/nhóm hoạt động rất tích cực trong lĩnh nông thôn (đặc biệt là tưới tiêu) cũng như vệ sinh môi trường (tập trung vào thiết bị vệ sinh). Mặc dù vấn đề cung cấp nước và chất lượng nước đã nhận diện như là những thách thức cần được khắc phục nhằm quản lý tài nguyên nước một cách bền vững hơn, thế nhưng, trong khu vực điều tra, chưa có tổ/nhóm nào hoạt động trong lĩnh vực này.

Mặc dù Hội Phụ nữ và những tổ thành viên cũng phát động những chiến dịch tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người dân về vấn đề an toàn vệ sinh và xử lý nước sinh hoạt, tuy nhiên, tình trạng hiện nay cho thấy, dường như các phướng pháp này chỉ là những cách thức đối phó tạm thời cho việc giảm nhẹ tác động thiếu nước sạch thay vì phải giải quyết triệt để các nguyên nhân gây ra tình trạng này. Ngoài ra, những chủ đề về môi trường cũng không được bất kỳ tổ/nhóm nào đề cập đến.

Các mối quan hệ giữa chính quyền địa phương và những tổ/nhóm cấp cơ sở trong phạm vi chính thức và không chính thức, cần phải được tiếp tục nghiên cứu chuyên sâu và toàn diện hơn đạt được nhận thức thực tế và thực trạng cụ thể tại Đồng bằng Sông Cửu Long (ĐBSCL).

Vì vậy, chúng tôi kiến nghị những nghiên cứu tiếp theo nên bổ sung thêm loại hình câu lạc bộ vào khung chương trình nghiên cứu, vì đây là một hình thức tổ chức cộng đồng mới và phổ biến đang phát triển rộng khắp vùng đồng bằng. Ngoài ra, những nghiên cứu trong tương lai cũng nên xem xét đến điều kiện môi trường, khía cạnh lịch sử và vị trí hành chính nhất định của vùng ĐBSCL (có vị trí xa khu trung tâm điều hành). Điều này sẽ hỗ trợ việc tìm hiểu sâu sắc hơn về cách thức của những tổ/nhóm cộng đồng tham gia quản lý tài nguyên nước ở địa phương và sự ảnh hưởng của họ đến lĩnh vực này.

**Tài liệu tham khảo**

WAIBEL, G. (2010) State Management in Transition: Understanding Water Resources Management in Vietnam. (Quản lý Nhà nước trong thời kì quá độ: Tìm hiểu về quản lý tài nguyên nước ở Việt Nam), Tài liệu nghiên cứu của ZEF, số 55, ĐH Bonn, CHLB Đức.

Simon Benedikter tốt nghiệp Thạc sĩ Đông Nam Á học, chuyên ngành Kinh tế và Tiếng Việt học từ trường Đại Học Bonn. Từ năm 2007 tác giả là chuyên viên nghiên cứu của ZEF và hiện đang nghiên cứu chuyên sâu về lĩnh vực quản lý tài nguyên nước ở Việt Nam, bao gồm chủ đề đổi mới cơ chế và thể chế quản lý thủy lợi ở vùng ĐBSCL.

TS. Gabi Waibel là nhà xã hội học và chuyên viên nghiên cứu của Trung tâm Nghiên cứu Phát triển ZEF, ĐH Bonn. Ngoài ra, Cô còn là điều phối viên của dự án WISDOM ở ZEF.

TS. Nguyễn Duy Cần tốt nghiệp Khoa học Nông nghiệp ở Thái Lan và đạt học vị Tiến sĩ về chuyên ngành Nông học ở Nhật Bản. Hiện nay ông đang làm giảng viên và chuyên viên nghiên cứu ở ĐH Cần Thơ và là Phó GĐ Viện Nghiên cứu Phát triển ĐBSCL.Ts Nguyễn Duy Cần là chuyên gia trong lĩnh vực khuyến nông và phát triển nông thôn.